Jinapañjara Gāthā

BÀI KỆ CHIẾC LỒNG CỦA ĐỨC CHIẾN THẮNG

(phiên bản Thái Lan)

*Bản dịch tiếng Việt: Tống Phước Khải**

BÀI KỆ NÀY MANG Ý NGHĨA NHƯ MỘT BÀI THẦN CHÚ BẢO HỘ VÀ ĐƯỢC RẤT NHIỀU PHẬT TỬ Ở THÁI LAN THUỘC VÀ ĐỌC TỤNG. NỘI DUNG BÀI KỆ CHO THẤY KHẮP THÂN THỂ VÀ KHÔNG GIAN XUNG QUANH HÀNH GIẢ ĐƯỢC BẢO HỘ BỞI PHẬT, PHÁP VÀ TĂNG. DO HÌNH THỨC AN VỊ GIỐNG NHƯ SỰ AN VỊ CÁC TÔN TRONG MẬT TÔNG, MỘT SỐ HỌC GIẢ PHƯƠNG TÂY XEM ĐÂY NHƯ MỘT HÌNH THỨC "TANTRA" CỦA PHẬT GIÁO THERAVADA. TỰA BÀI CỦA KỆ "PAÑJARA" THƯỜNG ĐƯỢC DỊCH RA LÀ CHIẾC LỒNG, BỘ KHUNG, BỘ GIÁP, NGÔI NHÀ, KHUNG LƯỚI…

PHẦN TIẾNG VIỆT:

Các Đức Phật, các bậc thánh thiện đã uống cam lồ của tứ thánh đế, sau khi đã đánh bại Māra cùng thành lũy của hắn: đã đi đến chiếc ghế của sự chiến thắng,

Các Đức Phật này – 28 vị thượng thủ, các hiền giả tối cao khởi đầu là Taṇhaṅkara – tất cả được an vị trên đỉnh đầu của tôi.

Phật được an vị trong đầu của tôi,
Pháp được an vị trong hai mắt,
Tăng, đức hạnh vô lượng, được an vị trong ngực của tôi.

Anuruddha (A Nậu Lâu Đà) an vị trong tim tôi,
Sārīputta (Xá Lợi Phất) bên phải tôi.
Koṇḍañña (Kiều Trần Như) phía sau tôi và
Moggallāna (Mục Kiền Liên) bên trái tôi.
Ānanda (A Nan) và Rāhula (La Hầu La) trong tai phải tôi,
Kassapa (Ca Diếp) và Mahānāma (Đại Danh) cả hai đều trong tai trái.

Sobhita, bậc hiền thánh, có vinh quang tột đỉnh, chiếu sáng như mặt trời, ngự ở khắp mái tóc sau đầu của tôi.
Trưởng lão Kumārakassapa (Đồng Tử Ca Diếp), hiền giả vĩ đại, bậc diễn thuyết chói sáng, đức hạnh vô lượng, lúc nào cũng ngự trong miệng của tôi.
Năm vị trưởng lão: Puṇṇa, Aṅgulimāla, Upālī, Nanda, Sīvalī – biểu tượng cho sự cát tường, hiện lên giữa trán tôi.

80 Đại Trưởng Lão còn lại – các bậc đã chiến thắng, đệ tử của Đức Chiến Thắng, 80 Đại Trưởng Lão này, các bậc có sự chiến thắng, những người con của Đức Chiến Thắng, đức hạnh tỏa sáng uy nghi – được an vị khắp phần trên cơ thể của tôi.

Kinh Châu Báu ở trước mặt,
Kinh Tâm Từ ở bên phải,

Kinh Ngọn Cờ ở phía sau,
Hộ chú Vô Não ở bên trái,
Hộ chú Uẩn, hộ chú Khổng Tước và kinh A Sá Nang Chi lập thành mái che trên hư không,
Những kinh còn lại được thiết lập như một thành lũy.

Được kết bởi sức mạnh và quyền năng của Đức Chiến Thắng,
Bảy lớp thành lũy chống đỡ,
Tất cả điều gây hại bên trong và bên ngoài đã được sanh khởi như gió, mật…
Đều bị tiêu diệt không còn vết tích
Bởi uy lực bất tận của Đức Chiến Thắng.

Trong khi tôi sống với công việc của tôi,
Luôn luôn ở trong chiếc lồng của Đức Chánh Biến Tri,
Ở trong chiếc lồng của những Đức Chiến Thắng,
Mong rằng tất cả các Bậc Đại Thánh Thiện
Hãy luôn luôn hộ trì cho tôi trong khi tôi cư ngụ ở mặt đất,

Do vậy, tôi hoàn toàn được che chắn hoàn hảo, được bảo vệ hoàn hảo.
Do nhờ năng lực của Đức Chiến Thắng, điều tai hại bị dẹp tan.
Do nhờ năng lực của Giáo Pháp, tập thể quân thù bị xua tan.
Do nhờ năng lực của Tăng, điều nguy hiểm bị xua tan.
Được bảo vệ bởi năng lực của Chánh Pháp,
Tôi sống ở trong chiếc lồng của Đức Chiến Thắng.

---

* *Chân thành cám ơn Sư Indacanda đã hiệu chỉnh bản dịch.*

29/03/2013

PHẦN TIẾNG PALI:

Jay'āsan'āgatā Buddhā
Jetvā Māraṃ savāhanaṃ
Catu-saccāsabhaṃ rasaṃ
Ye pivinsu narāsabhā

Taṇhaṅkar'ādayo Buddhā
Aṭṭha-vīsati nāyakā
Sabbe patiṭṭhitā mayhaṃ
Matthake te munissarā

Sīse patiṭṭhito mayhaṃ
Buddho dhammo dvilocane
Saṅgho patiṭṭhito mayhaṃ
Ure sabba-guṇākaro

Hadaye me Anuruddho
Sārīputto ca dakkhiṇe
Koṇḍañño piṭṭhi-bhāgasmiṃ
Moggallāno ca vāmake

Dakkhiṇe savane mayhaṃ
Āsuṃ Ānanda-Rāhulo
Kassapo ca Mahānāmo
Ubh'āsuṃ vāma-sotake

Kesante piṭṭhi-bhāgasmiṃ
Suriyova pabhaṅkaro
Nisinno siri-sampanno
Sobhito muni-puṅgavo

Kumāra-kassapo thero
Mahesī citta-vādako
So mayhaṃ vadane niccaṃ
Patiṭṭhāsi guṇākaro

Puṇṇo Aṅgulimālo ca
Upālī Nanda-Sīvalī
Therā pañca ime jātā
Nalāṭe tilakā mama

Sesāsīti mahātherā
Vijitā jina-sāvakā
Etesīti mahātherā
Jitavanto jinorasā
Jalantā sīla-tejena
Aṅgamaṅgesu saṇṭhitā

Ratanaṃ purato āsi
Dakkhiṇe Metta-suttakaṃ
Dhajaggaṃ pacchato āsi
Vāme Aṅgulimālakaṃ

Khandha-Mora-parittañca
Āṭānāṭiya-suttakaṃ
Ākāse chadanaṃ āsi
Sesā pākāra-saṇṭhitā

Jināṇābala-saṃyuttā
Satta-pākāra-laṅkatā
Vāta-pitt'ādi-sañjātā
Bāhir'ajjhatt'upaddavā
Asesā vinayaṃ yantu

Ananta-jina-tejasā

Vasato me sakiccena
Sadā Sambuddha-pañjare
Jina-pañjara-majjhamhi
Viharantaṃ mahītale
Sadā pālentu maṃ sabbe
Te mahā-purisāsabhā

Iccevamanto sugutto surakkho
Jinānubhāvena jit'upaddavo
Dhammānubhavena jitārisaṅgho
Saṅghānubhāvena jit'antarāyo
Saddhammānubhāva-pālito carāmi jina-pañjareti.